

## **Bài 16**

### **AI CẬP**

#### **Tiết 1 KHÁI QUÁT VỀ AI CẬP**

##### **I. MỤC TIÊU**

Sau bài học, HS cần :

###### **1. Kiến thức**

- Biết được vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên, dân cư của Ai Cập.
- Trình bày đặc điểm nền kinh tế gắn bó với sông Nin.

###### **2. Kỹ năng**

Phân tích bản đồ (lược đồ) và bảng số liệu để nhận xét về tự nhiên và sự phân bố kinh tế của Ai Cập.

###### **3. Thái độ**

Thông cảm với những khó khăn của nhân dân lao động Ai Cập và đánh giá cao những thành tựu trong sử dụng tự nhiên vào phát triển đất nước của nhân dân Ai Cập.

##### **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT**

- Bản đồ Địa lí tự nhiên châu Phi.
- Bản đồ Kinh tế chung Ai Cập.
- Một số ảnh về các kì quan thế giới nổi tiếng của Ai Cập.

##### **III. TRỌNG TÂM BÀI**

- Một số đặc điểm chủ yếu của dân cư, dân tộc Ai Cập.
- Vai trò của sông Nin đối với nền kinh tế Ai Cập.

##### **IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

###### **Mục I. Điều kiện tự nhiên**

*Hoạt động 1* : Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên

- GV cho HS cùng quan sát bản đồ Địa lí tự nhiên châu Phi :

- Xác định vị trí địa lí của Ai Cập và nêu rõ các giá trị về mặt kinh tế.
- Nhận xét chung về địa hình của Ai Cập và nêu khái quát giá trị của địa hình về mặt kinh tế.
- Xác định thung lũng và châu thổ sông Nin ; nêu những thuận lợi của thung lũng và châu thổ sông Nin đối với phát triển kinh tế.
- GV giảng giải về đặc điểm khí hậu Ai Cập và nêu những đặc trưng của sông Nin (dài nhất thế giới, thung lũng và châu thổ sông Nin là một trong những cái nôi của nền văn minh cổ đại thế giới,...).

## **Mục II. Dân cư**

*Hoạt động 2 : Tìm hiểu về dân cư*

- GV chia lớp thành các nhóm và cùng thực hiện một nhiệm vụ chung : Phân tích bảng 16, và đọc thông tin ở ô kiến thức và các thông tin khác của SGK, nêu một số đặc điểm khái quát của dân cư Ai Cập.
- Sau khi đại diện các nhóm trình bày, GV kết luận các ý đúng. Tiếp theo, GV làm rõ đặc điểm của đạo Hồi ở Ai Cập và ảnh hưởng của nó đối với sự phát triển của đất nước, kết hợp với tranh ảnh và thực tế mà HS đã biết để thuyết trình về nền văn minh cổ đại Ai Cập.

## **Mục III. Kinh tế**

*Hoạt động 3 : Tìm hiểu về kinh tế*

GV yêu cầu HS đọc SGK, trả lời câu hỏi : "Ai Cập là đất nước từ xưa đã nổi tiếng thế giới với thung lũng và châu thổ sông Nin màu mỡ, nhưng tại sao sản xuất nông nghiệp chỉ đóng góp 15,5% GDP (năm 2004) ?".

- HS quan sát Bản đồ Kinh tế chung Ai Cập hoặc lược đồ kinh tế Ai Cập (trong SGK), nêu tên các cây trồng và vật nuôi chủ yếu của Ai Cập.
- GV tiếp tục giảng giải về thành tựu về trồng cây bông, lúa mì, lúa gạo, khoai tây, đậu, rau, quả và các vật nuôi như cừu, dê cùng hoạt động đánh cá trên biển. Sau đó, yêu cầu HS xác định trên lược đồ vùng phân bố của một số loại cây trồng và vật nuôi ; giải thích tại sao nền nông nghiệp Ai Cập lại tập trung ở thung lũng và châu thổ sông Nin.

– GV thuyết trình (kèm kể chuyện) về sự phát triển của ngành công nghiệp và du lịch Ai Cập. Sau đó, yêu cầu HS quan sát lược đồ kinh tế Ai Cập, nhận xét về sự phân bố các ngành công nghiệp và các điểm du lịch nổi tiếng của Ai Cập (lưu ý HS về sự gắn bó của hai ngành này với sông Nin).

## V. THÔNG TIN

### 1. Trả lời câu hỏi khó trong SGK

– Những thuận lợi của thung lũng và châu thổ sông Nin đối với phát triển kinh tế Ai Cập :

- + Châu thổ do sông Nin bồi đắp màu mỡ, diện tích rộng, bằng phẳng.
- + Nằm liền kề Địa Trung Hải, có khí hậu ôn hoà hơn các vùng khác của lãnh thổ.
- + Có nguồn nước tưới dồi dào từ sông Nin.
- + Vị trí thuận lợi cho giao lưu kinh tế, đặc biệt đối với các nước ngoài.
- + Có lịch sử khai phá lâu đời.

– Đặc điểm khái quát của dân cư Ai Cập :

+ Thuộc vào loại nước có dân số đông của thế giới (74 triệu người, năm 2005 - đứng thứ 16 trên thế giới). Tỷ lệ gia tăng tự nhiên còn cao (2,0%).

+ Dân số trẻ : Độ tuổi dưới 10 tuổi chiếm 26,5%. Hơn một nửa dân số (50,9%) dưới 19 tuổi. Tỷ lệ người già trên 60 tuổi chỉ có 6,2%.

+ Tuổi thọ bình quân 70.

+ Tỷ lệ dân số nông thôn, chiếm 57%. Tỷ lệ dân thành thị (43%).

+ Dân cư hoạt động trong ngành dịch vụ đông nhất (48%). Số dân hoạt động trong ngành nông nghiệp vẫn còn cao (30%).

+ Người Ha-mit chiếm 99% dân số.

+ 94% dân cư theo đạo Hồi.

+ Tỷ lệ biết đọc, biết viết thấp (48%).

+ Mật độ dân số : 74 người/km<sup>2</sup> (đứng thứ 100 trên thế giới), nhưng phân bố không đều (99% tập trung ở thung lũng và châu thổ sông Nin).

– Vai trò của sông Nin đối với nền kinh tế của Ai Cập :

+ Đối với nông nghiệp : Nền nông nghiệp Ai Cập phát triển chủ yếu ở thung lũng và châu thổ sông Nin và lệ thuộc vào nước tưới từ sông Nin. Châu thổ sông Nin là nơi có những cánh đồng lúa mì, cà rốt, đậu, khoai tây,... tạo nên những sản phẩm trồng trọt quan trọng của Ai Cập. Ngành chăn nuôi trâu, cừu, dê,... cũng chủ yếu tập trung ở vùng thung lũng và châu thổ.

+ Đối với công nghiệp : Hầu hết các trung tâm công nghiệp chế biến của Ai Cập đều tập trung dọc theo thung lũng sông Nin và ở châu thổ sông Nin.

+ Đối với du lịch : Ngành du lịch phát triển mạnh chủ yếu dựa trên cảnh quan tự nhiên sông Nin và các danh lam thắng cảnh nổi tiếng thế giới nằm trong lưu vực sông Nin.

## **2. Thông tin bổ sung**

### THÔNG TIN CHUNG VỀ AI CẬP

– Những thành phố lớn và số dân : Cai rô (6,8 triệu người), Gi-dơ (4,8 triệu), A-lêch-xan-đri-a (3,4 triệu), Pô Xa-it (469 nghìn), Xuy-ê (417 nghìn).

– Tổng thu nhập quốc gia (GNI) : 75,5 tỉ USD (2004).

– GDP theo giá thực tế : 75,1 tỉ USD (2004). Tốc độ tăng GDP : 4,3% (2004).

– GDP/người : 1.024 USD/ người (2004).

– Tỷ trọng của ba khu vực kinh tế trong GDP, năm 2004 : Khu vực I chiếm 15,5%, khu vực II chiếm 32,1%, khu vực III 52,4%.

– HDI : 0,659 (2003), đứng thứ 119 trong 173 quốc gia và lãnh thổ (2003). Chỉ số phát triển của phụ nữ : 0,274, đứng thứ 77 trong 173 quốc gia và lãnh thổ (năm 2003).

– Nguồn điện năng : chủ yếu từ nhiệt điện : 81,03% (năm 2001).

– Sản lượng dầu thô khai thác : 618,2 thùng/ngày (năm 2003).

– Lúa gạo : Diện tích (2004) : 630 nghìn ha, sản lượng hơn 6 triệu tấn, sản lượng lúa bình quân đầu người : 81,7 kg.

– Ngô : Diện tích ; 830 nghìn ha, sản lượng : 5,8 triệu tấn, sản lượng bình quân đầu người : 79 kg.

– Chăn nuôi : trâu : 3845 nghìn con, bò : 4369 nghìn con, lợn : 30 nghìn con.

– Cá khai thác : 430,8 nghìn tấn.